

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Công nghệ thực phẩm; Chuyên ngành: Công nghệ thực phẩm

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: NGUYỄN NHẬT MINH PHƯƠNG

2. Ngày tháng năm sinh: 22/9/1979; Nam ☐ ; Nữ ☒ Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: Thị trấn Long Mỹ, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 96/1B7, đường Lý Tự Trọng, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

6. Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Công nghệ thực phẩm, Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm, Trường Đại học Cần Thơ - Khu 2, đường 3/2, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

Điện thoại di động: 0775842688;

E-mail: nnmphuong@ctu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ 03/10/2002 đến 01/01/2009: Nghiên cứu viên, Bộ môn Công nghệ thực phẩm (BM CNTP), Khoa Nông nghiệp và Sinh học ứng dụng (KNN&SHƯĐ), Trường Đại học Cần Thơ (ĐHCT).

- Từ 01/01/2009 đến 02/8/2012: Giảng viên, BM CNTP, KNN&SHƯĐ, Trường ĐHCT.

- Từ 02/8/2012 đến 01/01/2015: Giảng viên, UVBCH Chi bộ thuộc BM CNTP, KNN&SHƯĐ, Trường ĐHCT.

- Từ 01/01/2015 đến 29/11/2022: Giảng viên, BM CNTP, KNN&SHƯĐ, Trường ĐHCT.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Từ 29/11/2022 đến 12/12/2022: Giảng viên, Trưởng Phòng thí nghiệm, Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm (CNSHTP), Trường ĐHCT.

- Từ 12/12/2022 đến 01/7/2023: Giảng viên, Trưởng Phòng thí nghiệm; Phó Bí thư Chi bộ thuộc BM CNTP, Viện CNSHTP, Trường ĐHCT.

- Từ 12/12/2022 đến 22/12/2022: Giảng viên, Trưởng Phòng thí nghiệm; Phó Bí thư Chi bộ thuộc BM CNTP; Phó Trưởng Bộ môn; Phụ trách sau đại học, Viện CNSHTP, Trường ĐHCT.

- Từ 01/7/2023 đến 01/2025: Giảng viên chính, Trưởng Phòng thí nghiệm; Phó Bí thư Chi bộ thuộc BM CNTP; Phó Trưởng Bộ môn; Phụ trách sau đại học, Viện CNSHTP, Trường ĐHCT.

- Từ tháng 01/2025 đến nay: Giảng viên chính, Trưởng Phòng thí nghiệm; Phó Trưởng BM CNTP; Phụ trách sau đại học, Viện CNSHTP, Trường ĐHCT.

Chức vụ hiện nay: Giảng viên chính, Trưởng Phòng thí nghiệm, phó Trưởng BM CNTP, phụ trách sau đại học, Viện CNSHTP, Trường ĐHCT.

Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Trưởng Bộ môn CNTP.

Cơ quan công tác hiện nay: Bộ môn CNTP, Viện CNSHTP, Trường ĐHCT.

Địa chỉ cơ quan: Khu 2, đường 3/2, phường Xuân Khánh, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Điện thoại cơ quan: 0292 3832663

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 10 tháng 9 năm 2002; số văn bằng: B0312746; ngành: Công nghệ thực phẩm; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Cần Thơ, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 03 tháng 7 năm 2008; ngành: Công nghệ thực phẩm; Nơi cấp bằng ThS: Đại học KULeuven, Bỉ.

- Được cấp bằng TS ngày 22 tháng 4 năm 2020; số văn bằng: 00608824/D0132960; ngành: Kỹ thuật Khoa học Sinh học; chuyên ngành: Khoa học Thực phẩm và Dinh dưỡng; Nơi cấp bằng TS: Đại học Gent, Bỉ.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm ,
ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Cần Thơ

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Hoá học –
Công nghệ thực phẩm

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Các hướng nghiên cứu đã thực hiện trước và sau khi nhận bằng Tiến sĩ bao gồm:

- *Hướng nghiên cứu 1:* Bảo quản và chế biến nông sản sau thu hoạch theo hướng an toàn và chất lượng.
- *Hướng nghiên cứu 2:* Nâng cao giá trị sử dụng của nguồn phụ phẩm nông sản trong phát triển bền vững.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã công bố được 40 bài báo khoa học, trong đó 09 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Số lượng sách đã xuất bản 02 giáo trình, 02 chương sách, 01 sách tham khảo; trong đó 02 chương sách thuộc nhà xuất bản quốc tế có uy tín;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 03 cấp cơ sở (Chủ nhiệm); 01 cấp Bộ (Chủ nhiệm);
- Đã hướng dẫn 03 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS (02 HVCH với vai trò hướng dẫn chính).

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
1	Bằng khen Bộ Trưởng	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2023-2024, QĐ số 932/QĐ-BGDĐT, 09/04/2025
2	Chiến sĩ thi đua cơ sở	Trường Đại học Cần Thơ	2023-2024, QĐ số 35/QĐ-ĐHCT, 06/01/2025
3	Chiến sĩ thi đua cơ sở	Trường Đại học Cần Thơ	2013-2014, QĐ số 2199/QĐ-ĐHCT, 01/07/2014
4	Chiến sĩ thi đua cơ sở	Trường Đại học Cần Thơ	2012-2013, QĐ số 2916/QĐ-ĐHCT, 23/07/2013
5	Chiến sĩ thi đua cơ sở	Trường Đại học Cần Thơ	2010-2011, QĐ số 3427/QĐ-ĐHCT, 27/10/2011

16. Kỷ luật (hành thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Về tiêu chuẩn của nhà giáo: có phẩm chất chính trị và tư tưởng vững vàng; giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín và đạo đức nhà giáo; thực hiện tốt nghĩa vụ công dân và quy tắc ứng xử của nhà giáo; luôn tận tâm với công việc và nhiệm vụ được giao; luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ quy định của người giảng viên, không vi phạm các quy định về những điều giảng viên không được làm.

- Nhiệm vụ của nhà giáo:

+ Về nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng, nâng cao trình độ: ứng viên đã bảo vệ thành công luận văn Thạc sĩ tại Đại học KULeuven (Bỉ) vào tháng 7/2008 và bảo vệ thành công luận án Tiến sĩ tại Đại học Gent (Bỉ) vào tháng 4/2020.

+ Về công tác đào tạo đại học và sau đại học: ứng viên được lãnh đạo Bộ môn CNTP và Bộ môn Công nghệ sau thu hoạch (CNSTH), Viện CNSHTP, Trường ĐHCT phân công phụ trách giảng dạy các học phần: **(1a)** Đối với bậc đào tạo đại học ngành CNTP và CNSTH (Đại trà, giảng dạy bằng tiếng Việt): Phát triển sản phẩm mới, Quản lý và tận dụng phụ phẩm trong sản xuất thực phẩm, Dinh dưỡng người, Kỹ thuật chế biến nhiệt thực phẩm; các học phần thực tập Kỹ thuật cơ sở - PTN, thực tập Công nghệ thực phẩm - PTN, hướng dẫn luận văn tốt nghiệp; và được phân công là Giảng viên kế thừa môn Thống kê phép thí nghiệm, Đánh giá cảm quan và thị hiếu người tiêu dùng **(1b)** Đối với bậc đào tạo Đại học ngành CNTP (Chất lượng cao, giảng dạy bằng tiếng Anh): Phát triển sản phẩm mới, Kỹ thuật chế biến nhiệt độ cao trong thực phẩm, Quản lý và tận dụng phụ phẩm trong sản xuất thực phẩm; và hướng dẫn luận văn tốt nghiệp và NCKH cho sinh viên **(2)** Đối với bậc đào tạo sau đại học ngành CNTP: Phát triển sản phẩm thực phẩm (ThS), Chuyên đề nâng cao giá trị nguồn phụ phẩm thực phẩm (ThS), Chuyên đề nghiên cứu thực tế (ThS) và hướng dẫn luận văn tốt nghiệp dành cho học viên cao học (Chương trình tiếng Việt và tiếng Anh).

+ Về công tác NCKH và xuất bản: đến thời điểm hiện nay, ứng viên đã công bố 40 bài báo khoa học, trong đó 09 bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế có uy tín (bài báo SCIE, ESCI, Scopus) và 31 bài báo trên các tạp chí chuyên ngành trong nước; xuất bản 02 giáo trình, 02 chương sách trên tạp chí quốc tế uy tín, 01 quyển sách tham khảo; chủ nhiệm 03 đề tài cơ sở và 01 đề tài cấp Bộ đã nghiệm thu thành công.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: ứng viên có 16 năm 06 tháng công tác tại Khoa NN&SHƯĐ và Viện CNSHTP, Trường ĐHCT với chức danh Giảng viên (từ năm 2023 là Giảng viên chính); trong đó có 04 năm 09 tháng đi du học ở Bỉ.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 03 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2013-2014				13	190,5	0	190,5/430,5/238
2	2014-2015				03	221	0	221/287/280
3	2021-2022			01	07	451	45	496/660/270
03 năm học cuối								
4	2022-2023			02	05	476	45	521/646/243
5	2023-2024				03	449,5	0	449,5/634,45/229,5
6	2024-2025				02	351	0	351/451,05/229,5

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học ĐH ☐ ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☒ và luận án TS hoặc TSKH ☒ ; tại nước: Vương Quốc Bỉ năm 2008 và 2020

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☒

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Cần Thơ (Chương trình Thạc sĩ quốc tế VLIR - Network)

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): IELTS

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/B SNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/C K2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Đoàn Minh Ngọc		HVCH	X		4/2022- 9/2022	Trường ĐHCT	14/4/2023; số văn bằng: 0007479
2	Daniel Hategekimana		HVCH	X		4/2022- 4/2023	Trường ĐHCT	20/9/2023; số văn bằng: 0007621
3	Đặng Thị Thu Tâm		HVCH		X	4/2022- 4/2023	Trường ĐHCT	20/9/2023; số văn bằng: 0007622

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
1	Valorization of waste and by- products from the agrofood industry using fermentation processes and enzyme treatments. In book: Utilisation of bioactive compounds from agricultural and food waste	Chương sách	CRC Press, 2017	04	X	314-341	
2	Analysis of non- extractable polyphenols (NEPP). In book: Non-extractable polyphenols and carotenoids	Chương sách	The Royal Society of Chemistry (RSC), 2018	06	X	46-67	

II Sau khi được công nhận TS							
3	Đánh giá cảm quan và thị hiếu người tiêu dùng	GT	Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ, 2020	03		119-133	
4	Thông kê phép thí nghiệm	GT	Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ, 2022	02		74-94	
5	Các hợp chất sinh học tự nhiên từ thực vật: Dinh dưỡng và sức khỏe	TK	Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ, 2025	01	X	Toàn quyền	

Trong đó: 02 ([01], [02]) chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0.

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1	Nghiên cứu chế biến rượu vang xoài (ĐT)	CN	T2010-22 Cấp cơ sở, Trường ĐH Cần Thơ	4/2010-12/2011	02/12/2011, xếp loại: Tốt
2	Khảo sát quy trình sản xuất và một số đặc tính lý hóa của tinh bột biến hình bằng phương pháp tạo liên kết ngang (ĐT)	CN	T2014-71 Cấp cơ sở, Trường ĐH Cần Thơ	4/2014-12/2014	18/12/2024, xếp loại: Tốt
II	Sau khi được công nhận TS				
3	Tối ưu hóa quá trình trích hợp chất phenolic từ phụ phẩm trái cây và ổn định hoạt tính sinh học bằng công nghệ vi bao (ĐT)	CN	T2021-93 Cấp cơ sở, Trường ĐH Cần Thơ	4/2021-9/2022	20/9/2022, xếp loại: Tốt

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

4	Phát triển sản phẩm dinh dưỡng và gia tăng giá trị kinh tế cho phụ phẩm từ trái xoài Cát Chu (ĐT)	CN	B2022-TCT-12, Cấp Bộ	01/2022- 6/2024	05/10/2024, xếp loại: Đạt
---	---	----	-------------------------	--------------------	------------------------------

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
1	Ảnh hưởng của nhiệt độ đến thời gian bảo quản và chất lượng cam sành	05		Hội thảo quốc gia "Cây có múi, xoài và khóm" - Nhà xuất bản Nông nghiệp			135-140	01/3/2005
2	Ảnh hưởng của các loại bao bì đến chất lượng cam sành trong quá trình tồn trữ	05		Hội thảo quốc gia "Cây có múi, xoài và khóm" - Nhà xuất bản Nông nghiệp			141-148	01/3/2005
3	Nghiên cứu quy trình chế biến nước mía thanh trùng	05		Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ/ISSN: 1859-2333, e-ISSN: 2815-5599			2006: 6, 172-181	01/5/2006
4	Khảo sát dạng bao bì đục lỗ thích hợp trong quá trình tồn trữ cam sành	05		Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ/ISSN: 1859-2333, e-ISSN: 2815-5599			2006: 5, 141-148	01/5/2006
5	Khảo sát các điều kiện thích hợp cho việc tồn trữ trái thanh long	05	X	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ/ISSN: 1859-2333, e-ISSN: 2815-5599		03	2006: 5, 131-140	01/5/2006

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
6	Ảnh hưởng của nhiệt độ và bao bì đến chất lượng và thời gian tồn trữ xoài cát Hòa Lộc	05	X	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ/ISSN: 1859-2333, e-ISSN: 2815-5599		03	2006: 6, 9-17	01/5/2006
7	Phân lập và xác định một số đặc điểm sinh học của enzyme xylanase từ lúa mì nảy mầm	04	X	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ/ISSN: 1859-2333, e-ISSN: 2815-5599			2009:11b, 310-316	01/5/2009
8	Tác động enzyme pectinase đến khả năng trích ly dịch quả và các điều kiện lên men đến chất lượng của rượu vang xoài sau thời gian lên men chính	04	X	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ/ISSN: 1859-2333, e-ISSN: 2815-5599		07	2011:20a, 127-136	01/5/2011
9	Biến hình tinh bột bằng phương pháp acid	01	X	Kỷ yếu hội nghị khoa học CAAB 2012 Phát triển nông nghiệp bền vững - Nhà xuất bản Nông nghiệp			84-91	23/11/2012
10	Endogenous wheat xylanase activity levels during germination of wheat kernels	04	X	Proceedings the 2nd Conference on food science & technology Food safety & food quality in southeast Asia challenges for the next decade - Part 1 - Trường Đại học Cần Thơ			284-289	9/12/2013
11	Ảnh hưởng của biện pháp xử lý nguyên liệu đến khả năng trích ly và sự ổn định anthocyanin từ bắp cải tím (<i>Brassica oleracea</i>)	02		Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ/ISSN: 1859-2333		08	1-7	11/2014
12	Kết hợp α -1,4-Glucan-4-Glucohydrolase và α -1,4-Glucan Glucohydrolase trong	02		Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ			34, 20-27	11/2014

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	chế biến nước uống từ khoai lang tím			học Cần Thơ/ ISSN: 1859-2333				
13	Đa dạng hóa sản phẩm xiu mại sốt cà từ nguyên liệu tép rong	02	X	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ/ ISSN: 1859-2333			108-115	11/2014
14	Ảnh hưởng của phương pháp liên kết ngang đến một số tính chất lý hóa của tinh bột sắn	02	X	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ/ ISSN: 1859-2333			35, 83-90	12/2014
15	Improving of bread quality from frozen dough using ascorbic acid and α -amylase	02		CTU Journal of innovation and sustainable development/ ISSN 2588-1418		03	6, 121-126	6/2017
16	<i>In vitro</i> antioxidant activity and phenolic profiles of tropical fruit by-products	07	X	International Journal of Food Science and Technology/ ISSN: 0950-5423	WoS/SCIE, Scimago (2019): Q1; SJR (2019): 0,798; IF (2019): 2.773	90	54 (4), 1169-1178	01/2019
17	Antioxidant activity of rambutan (<i>Nephelium lappaceum</i> L.) peel extract in soybean oil during storage and deep frying	05	X	European Journal of Lipid Science and Technology/ ISSN: 1438-7697	WoS/SCIE, Scimago (2019): Q2; SJR (2019): 0.669; IF (2019): 2.056	33	122 (2), 1900214	11/2019
II	Sau khi được công nhận TS							
18	Evaluation of antimicrobial activity of rambutan (<i>Nephelium lappaceum</i> L.) peel extracts	04	X	International journal of food microbiology/ ISSN: 0168-1605	WoS/SCIE, Scimago (2020): Q1; SJR 2020: 1.31; IF (2020): 5.277	65	321, 108539	5/2020
19	Selection of extraction conditions of phenolic compounds from rambutan (<i>Nephelium lappaceum</i> L.) peel	05	X	Food and Bioproducts Processing/ ISSN: 0960-3085	WoS/SCIE, Scimago (2020): Q1; SJR 2024: 0,838; IF (2020): 4,481	51	122, 222-229	7/2020

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
III	Ba năm cuối							
20	Tối ưu hóa quá trình trích ly các hợp chất phenolic từ vỏ chuỗi giả hương (<i>Musa acuminata colla</i> AAA.)	02	X	Tạp chí Công Thương/ISSN: 0866 - 7756			2022: 18, 194 - 200	7/2022
21	Khảo sát các điều kiện thích hợp cho quá trình trích ly chlorophyll bằng ethanol từ cây lá dứa (<i>Pandanus amaryllifolius</i> roxb.) và ổn định các hợp chất chống oxy hóa trong sản phẩm khô	02	X	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ/ISSN: 1859-2333			58 (6), 117-125	12/2022
22	Ảnh hưởng của phương pháp sấy đến chất lượng bột lá xạ đen (<i>Ehretia asperula</i> Zoll. & Mor.)	07	X ^b	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/p-ISSN: 1859-4581, e-ISSN: 2815-6153			02, 273-280	6/2023
23	Xác định điều kiện trích ly chất xơ từ vỏ xoài Cát Chu (<i>Mangifera indica</i> L.) với sự hỗ trợ pectinex® Ultra SP-L	06	X ^b	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/p-ISSN: 1859-4581, e-ISSN: 2815-6153			2, 336-346	6/2023
24	Các yếu tố ảnh hưởng của quá trình ngâm và nhào đến hàm lượng anthocyanin và đặc tính cấu trúc bún tươi bổ sung gạo huyết rồng	06		Tạp chí Khoa học và Công Nghệ Đại học Thái Nguyên/ISSN: 1859-2171, e-ISSN: 2615-9562			228(13): 82 - 89	17/7/2023
25	Khảo sát sự thay đổi các hợp chất sinh học trong quá trình lên men cider nước ép xoài Cát Chu (<i>Mangifera indica</i> L.)	03	X ^b	Tạp chí Khoa học và Công Nghệ Đại học Thái Nguyên/ISSN: 1859-2171, e-ISSN: 2615-9562			228(13): 251 - 257	18/8/2023
26	Xác định điều kiện trích ly chất xơ từ vỏ xoài Cát chu (<i>Mangifera indica</i> L.)	06	X	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/p-ISSN:			1, 3-12	9/2023

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
				1859-4581, e-ISSN: 2815-6153				
27	Antimicrobial activity of phenolic-rich extracts from mango seed kernel on microorganisms	05	X ^b	Microbiology and Biotechnology Letters/eISSN: 2234-7305, pISSN: 1598-642X	Scopus, Scimago: Q4; SJR 2023: 0.194; IF: 0.709		51(4), 416-424	4/12/2023
28	Dehydration of phenolic-rich extract from rambutan (<i>Nephelium lappaceum</i> L.) peel by foam mat drying	04	X	LWT- Food science and technology/ISSN: 0023-6438	WoS/SCIE, Scimago (2024): Q1; SJR 2024: 1.48; IF (2024): 6.0	03	198, 115973	4/2024
29	Effects of alkaline extraction conditions on the yield and physicochemical properties of dietary fiber from Cat Chu mango (<i>Mangifera indica</i> L.) peel	05	X	Acta Scientiarum Polonorum Technologia Alimentaria/eISSN 1898-9594, pISSN 1644-0730	WoS/ESCI, Scimago: Q3; SJR 2024: 0.269; IF (2024): 1.3		23(2), 203-212	19/4/2024
30	Ảnh hưởng của tỷ lệ nhân hạt xoài bổ sung và chế độ thanh trùng đến chất lượng nước ép dưa hấu	05	X	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/p-ISSN: 1859-4581, e-ISSN: 2815-6153			486, 62-70	19/7/2024
31	Nghiên cứu sử dụng axit ascorbic trong bảo quản puree bí đỏ (<i>Cucurbita moschata</i> D.) tiệt trùng đóng hộp	06	X	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/p-ISSN: 1859-4581, e-ISSN: 2815-6153			8, 61-70	31/7/2024
32	Xây dựng quy trình công nghệ chế biến puree bí đỏ (<i>Cucurbita moschata</i> D.) đóng hộp	06	X	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ/ISSN: 1859-2333			60 (SDMD), 229-243	31/7/2024
33	Ảnh hưởng của nhiệt độ và thời gian chiên chân không đến chất lượng sản phẩm snack bí đỏ (<i>Cucurbita moschata</i> D.)	07		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/p-ISSN: 1859-4581, e-ISSN: 2815-6153			2024: 489, 69-78	30/9/2024

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
34	Ảnh hưởng của kỹ thuật sấy đến độ ẩm, màu sắc và các hợp chất sinh học của lá tía tô	06		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/p-ISSN: 1859-4581, e-ISSN: 2815-6153			Số đặc biệt: Ứng dụng công nghệ xanh hướng đến phát triển bền vững, 66-73	16/9/2024
35	Ảnh hưởng của vi sóng và sóng siêu âm đến hiệu quả trích ly chất xơ từ vỏ xoài Cát Chu (<i>Mangifera indica</i> L.) bằng công nghệ enzyme	06	X ^b	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ/ISSN: 1859-2333			60 (SDMD), 98-105	10/2024
36	Đánh giá tác động của quá trình chần đến chất lượng puree xoài Cát Chu (<i>Mangifera indica</i> L.) bảo quản lạnh đông	04	X ^b	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ/ISSN: 1859-2333			2B (2025), 162-171	15/11/2024
37	Nghiên cứu phát triển bánh quy bổ sung bột lá xạ đen	07		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/p-ISSN: 1859-4581, e-ISSN: 2815-6153			Số đặc biệt: Nông nghiệp bền vững vì an ninh lương thực và an toàn thực phẩm, 120-128	29/11/2024
38	Effects of potassium sorbate and ascorbic acid concentration on physio-chemical properties and stability of pumpkin puree in chilled storage	06		Chemical Engineering Transactions/ISSN: 2283-9216	Scopus, Scimago: Q3; SJR 2024: 0.258; IF (2024): 0.971		113, 139-144	30/11/2024
39	Effects of blanching on browning enzyme inactivation	05		Chemical Engineering Transactions/ISSN: 2283-9216	Scopus, Scimago: Q3; SJR 2024: 0.258;		113, 457-462	30/11/2024

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	and pumpkin color (<i>Cucurbita moschata</i> D.)				IF (2024): 0.971			
40	Ảnh hưởng của albumin và carboxymethyl cellulose đến động học quá trình sấy bột xốp và hoạt tính sinh học của cao chiết phenolic từ lá ổi Nữ Hoàng (<i>Psidium guajava</i> L.)	06	X	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ/ISSN: 1859-2333			61(3B), 139-150	26/5/2025

4 Các chữ viết tắt: X: Tác giả chính; X^a: Đồng tác giả chính; X^b: Tác giả liên hệ.

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS là: **05** bài, trong đó **04** bài tác giả chính [18] (Q1), [19] (Q1), [28] (Q1), [29] (Q3); **01** bài tác giả liên hệ [27] (Q4).

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Tổ điều chỉnh CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm (Đại trà và Chất lượng cao) và Công nghệ sau thu hoạch (Đại trà)	Tham gia	4788/QĐ-ĐHCT, 19/11/2021	Trường Đại học Cần Thơ		
2	Hội đồng xây dựng, điều chỉnh CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Công nghệ sau thu hoạch	Thư ký	5146/QĐ-ĐHCT, 29/11/2021	Trường Đại học Cần Thơ		
3	Tổ tự đánh giá CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm theo bộ tiêu chuẩn AUN-QA giai đoạn 2020-2021	Tham gia	878/QĐ-ĐHCT, 07/5/2020	Trường Đại học Cần Thơ		
4	Hội đồng tự đánh giá CTĐT thạc sĩ ngành Công nghệ thực phẩm (tiếng Anh)	Thành viên Ban thư ký, Trưởng nhóm công tác chuyên trách (Tiêu chuẩn 01 và 10)	3067/QĐ-ĐHCT, 28/7/2021	Trường Đại học Cần Thơ		
5	Nhóm chuyên trách thực hiện đánh giá CTĐT	Trưởng nhóm	3334/QĐ-ĐHCT, 16/8/2024	Trường Đại học Cần Thơ		

ngành Công nghệ thực phẩm trình độ thạc sĩ theo Tiêu chuẩn AUN-QA giai đoạn 2024-2025						
--	--	--	--	--	--	--

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): đủ

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Cần Thơ, ngày 28 tháng 6 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Nguyễn Nhật Minh Phương